TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2019/DS-PT.
Ngày 23/4/2019.
V/v: "Tranh chấp Hợp đồng ủy quyền, yêu cầu tuyên bố Hợp đồng vô hiệu, bồi thường thiệt hại ngoài Hợp đồng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Minh Hiền.

Các thẩm phán: Bà Trần Thị Hà;
Ông Bạch Đăng Thi.

Thư ký phiên toà: Ông Dương Đình Hưng - Cán bộ Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Đặng Văn Thìn – Kiểm sát viên.

Ngày 23/4/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 123/2018/TLPT- DS ngày 19/12/2018 về việc "Tranh chấp về Hợp đồng ủy quyền, yêu cầu tuyên bố Hợp đồng vô hiệu, bồi thường thiệt hại ngoài Hợp đồng"

Do bản án dân sự sơ thẩm số 29/2018/DS-ST ngày 05/11/2018 của Toà án nhân dân huyện Y bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 17/2019/QĐ-PT ngày 17/01/2019 và các Quyết định hoãn phiên tòa giữa:

Nguyên đơn: Chị Đào Mai L, sinh năm 1976, có mặt.

Địa chỉ: 741 đường B, phường B, quận H, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh La Thế U, sinh năm 1971, có mặt.

Địa chỉ: Thôn Ch, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh La Thế U:

Luật sư Nguyễn Văn H, Văn phòng Luật sư H và Cộng sự -Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang, có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1- Anh Trần Ngọc C, sinh năm 1974- Chồng chị L, vắng mặt;

Ủy quyền cho chị Đào Mai L, sinh năm 1976, có mặt.

Cùng địa chỉ: 741 đường B, phường B, quận H, thành phố Hà Nội.

2- Anh Nguyễn Ngọc C1, sinh năm 1981, có mặt;

Địa chỉ: Thôn Ch, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

3- Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1981, vợ anh U, vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

4- Chị Lê Thị Th, sinh năm 1981, vợ anh Nguyễn Ngọc C1, vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn Ch, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

5- Văn phòng Công chứng Nam Th: Do ông Nguyễn Văn Ch- Công chứng viên là Người đại diện theo pháp luật, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Địa chỉ: Khu tái định cư, phường Đồng T, thị xã Phổ Y, tỉnh Thái Nguyên.

6- Văn phòng Công chứng Quang M do ông Hoàng Hữu H1- Công chứng viên là Người đại diện theo pháp luật, vắng mặt;

Địa chỉ: Số nhà 187, đường Cần Tr, thị trấn V, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

7- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại Xuất nhập khẩu Khải L do ông Nguyễn Văn D, Giám đốc Công ty đại diện theo pháp luật, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Số 130, đường Trần Ph, phường Hoàng Văn Th, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là chị Đào Mai L đã trình bày: Chị là vợ anh Trần Ngọc C. Vợ chồng chị có chiếc xe ô tô Vios Biển kiểm soát 30A - 706.37; Giấy đăng ký xe mang tên chị là Đào Mai L. Ngày 14/10/2015, anh Trần Ngọc C đã ủy quyền cho chị quản lý định đoạt chiếc xe này theo Hợp đồng ủy quyền số 002075/2015, quyển số 03 TP/CC-SCC/HĐUQ. Hợp đồng ủy quyền này đã được công chứng tại Văn phòng Công chứng Hồ G tại số 48 phố Tràng Th, phường Hàng B, quận H, thành phố Hà Nội. Ngày 12/11/2015, chị đã ủy quyền cho anh La Thế U quản lý định đoạt chiếc xe này theo Hợp đồng ủy quyền số 1006/2015, quyển sổ 02 TP/CC-SCC/HĐGD của Văn phòng Công chứng Quang M tại số 199 đường Cần Tr, thị trấn V, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Nội dung của Hợp đồng ủy quyền này là do Văn phòng Công chứng Quang M lập sẵn, khi chị ký vào Hợp đồng này thì chị không được minh mẫn, tỉnh táo và chị không đọc nội dung. Sau khi ký Hợp đồng ủy quyền thì chị đã giao xe, Giấy đăng ký xe và Bảo hiểm xe ô tô cho anh U quản lý sử dụng. Ngày 13/11/2015, chị đã nhớ lại và chị đã biết là mình đã ký Hợp đồng ủy quyền cho anh U sử dụng chiếc xe ô tô Vios Biển kiểm soát 30A - 706.37 nhưng khi đó chị cũng không lập văn bản chấm dứt Hợp đồng ủy quyền với anh U. Ngày 02/7/2016, chị gửi đã gửi Thông báo cho anh U về việc chị chấm dứt Hợp đồng ủy quyền và yêu cầu anh U phải trả xe ô tô và Giấy đăng ký xe mang tên Đào Mai L cho chị. Thông báo này được chị gửi cho anh U qua bưu điện thể hiện bằng Bưu phẩm số EK109074785VN. Khi gửi Bưu phẩm này chị đã lấy tên người gửi là chị Phạm Bích D vì chị nghĩ rằng nếu lấy tên người gửi là tên của chị (Đào Mai L) thì anh U sẽ không nhận bưu phẩm. Ngoài ra chị cũng gửi Thông báo này tới

Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Bắc Giang và Văn phòng Công chứng Quang M.

Nay, anh U xuất trình Hợp đồng mua bán xe ô tô Vios, Biển kiểm soát 30A - 706.37 có nội dung: Chị đã bán chiếc xe ô tô này cho anh U ngày 09/10/2015 (Hợp đồng này được lập và công chứng tại Văn phòng Công chứng Nam Th) thì chị không thừa nhận chữ ký của người bán trong Hợp đồng mua bán này là của chị.

Anh U còn xuất trình Hợp đồng mua bán xe ô tô Vios, Biển kiểm soát 30A - 706.37 ngày 22/11/2016 có nội dung: Anh La Thế U đã bán chiếc xe ô tô này cho anh Nguyễn Ngọc C1 (bạn anh U) thì chị không nhất trí.

Chị đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng mua bán chiếc xe ô tô giữa chị và anh U ngày 09/10/2015 và Hợp đồng mua bán chiếc xe ô tô giữa anh U và anh Nguyễn Ngọc C1 ngày 22/11/2016 là vô hiệu.

Việc anh U bán xe cho anh Nguyễn Ngọc C1 (ngày 22/11/2016) là sau thời gian chị gửi Thông báo chấm dứt ủy quyền cho anh U (ngày 02/7/2016) và sau thời gian chị khởi kiện vụ án tại Tòa án nhân dân huyện Y (vụ án được thụ lý ngày 04/11/2016).

Anh U đã chiếm hữu, sử dụng chiếc xe ô tô Vios Biển kiểm soát 30A - 706.37 kể từ ngày 12/11/2015 đến ngày 28/02/2017 (ngày anh U giao xe cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y) là 15 tháng 16 ngày. Do anh U đã trình bầy là: Sau khi anh U bán xe ô tô cho anh Nguyễn Ngọc C1 thì anh U đã thuê lại xe ô tô của anh C1 với giá là 10.000.000đ nên chị yêu cầu anh U bồi thường thiệt hại cho chị số tiền là 120.000.000đ vì lý do anh U đã chiếm hữu chiếc xe ô tô của chị là 15 tháng 16 ngày.

Anh La Thế U đã trình bày: Vào khoảng tháng 7 năm 2015, chị Đào Mai L đã vay tiền của anh để chị L mua nhà. Anh đã đưa cho chị L 01 sổ hộ khẩu gia đình mang tên La Thế U và 1.800.000.000đ. Sau đó chị L tự đi làm Hợp đồng mua bán xe ô tô ngày 09/10/2015 có nội dung: Chị L bán chiếc xe ô tô Vios Biển kiểm soát 30A – 70637 cho anh; giá chiếc xe ô tô ghi trong Hợp đồng mua bán là 100.000.000đ nhưng thực chất là anh đã mua xe ô tô của chị L với giá 750.000.000đ. Đối trừ số tiền mua xe vào số tiền anh đưa cho chị L thì chị L còn nợ anh số tiền là 1.050.000.000đ. Hợp đồng mua bán xe ô tô ngày 09/10/2015 được công chứng tại Văn phòng Công chứng Nam Th. Nhưng anh xác định chữ ký "La Thế U" trong Hợp đồng mua bán xe ô tô ngày 09/10/2015 là không phải là chữ ký của anh. Do chị L cũng chưa được anh Trần Ngọc C (chồng chị L) ủy quyền cho chị L bán xe ô tô cho anh nên anh đã không đồng ý với nội dung của Hợp đồng mua bán xe ô tô ngày 09/10/2015. Anh đã yêu cầu chị L phải lập Hợp đồng mua bán xe ô tô khác. Vài ngày sau chị L đã cho anh xem Hợp đồng ủy quyền của anh Trần Ngọc C là chồng chị L có nội dung anh Trần Ngọc C đã ủy quyền cho chị L được quyền quản lý, sử dụng, bán cho thuê xe ô tô Vios Biển kiểm soát 30A-70637. Theo Hợp đồng ủy quyền này thì chị L được phép ủy quyền lại cho bên thứ

3 đối với chiếc xe ô tô Vios, Biển kiểm soát 30A-70637, việc ủy quyền lại không vượt quá phạm vi ủy quyền ban đầu. Ngày 12/11/2015, chị L và anh đã ký Hợp đồng ủy quyền số 1006/2015, (tại quyển số 02 TP/CC-SCC/HĐGD) tại Văn phòng Công chứng Quang M. Theo nội dung Hợp đồng ủy quyền này thì anh được quyền quản lý, sử dụng xe và anh được quyền bán, cho thuê, được nhận tiền mua, tiền thuê, quyền thế chấp, làm thủ tục mua và thụ hưởng tiền bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, thời hạn ủy quyền kể từ ngày 12/11/2015 đến ngày 24/10/2025. Khi ký Hợp đồng ủy quyền này thì chị L hoàn toàn tỉnh táo.

Ngày 01/10/2016, anh đã bán chiếc xe ô tô Vios Biển kiểm soát 30A -70637 cho anh Nguyễn Ngọc C1 với giá 560.000.000đ. Ngày 22/11/2016, anh và anh Nguyễn Ngọc C1 đến Văn phòng Công chứng Nam Th, tỉnh Thái Nguyên để lập Hợp đồng mua bán chiếc xe ô tô này. Số tiền mua bán ghi trong Hợp đồng là 100.000.000đ nhưng thực tế là 560.000.000đ. Anh cũng đã giao xe và Giấy tờ xe cho anh Nguyễn Ngọc C1. Sau khi mua xe ô tô của anh nhưng anh Nguyễn Ngọc C1 không có nhu cầu sử dụng xe ô tô nên anh đã thuê lại chiếc xe ô tô này của anh Nguyễn Ngọc C1 với giá là 10.000.000đ/1 tháng, thời hạn thuê xe là 15 tháng với tổng số tiền thuê là 150.000.000đ. Số tiền thuê xe ô tô này đã được anh khấu trừ vào số tiền mua xe 560.000.000đ mà anh Nguyễn Ngọc C1 phải trả cho anh.

Ngày 12/11/2015, anh và chị L đã ký Hợp đồng ủy quyền số 1007/2015, quyển số 02 TP/CC-SCC/HĐGD có nội dung: Anh ủy quyền cho chị L sử dụng các tài sản sau:

1. Chiếc xe ô tô đầu kéo nhã hiệu CNIITC, số máy 150507037317, số khung LSB6SA096684, Biển số 98C- 091.46, chứng nhận đăng ký xe ô tô số 009581 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 18/8/2015 đứng tên La Thế U.

2. Chiếc Rơ moóc, sơ mi rơ moóc nhãn hiệu CIMC, số khung 3GE8F0005830, Biển số 98R- 00770, chứng nhận đăng ký rơ moóc, sơ mi rơ moóc số 000802 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 16/7/2015 đứng tên La Thế U.

Ngày 25/12/2015, anh cùng chị L đến Văn phòng Công chứng Nam Th lập và ký văn bản thỏa thuận hủy Hợp đồng ủy quyền số 1007/2015, quyển số 02 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/11/2015 Hợp đồng, (được công chứng tại số 1143/2015, quyển số 02 TP/CC-SCC/HĐGD). Như vậy, kể từ ngày 25/12/2015 thì chị L không còn liên quan gì tới xe ô tô đầu kéo có Biển kiểm soát 98C-091.46 và sơ mi rơ moóc có Biển kiểm soát 98R 007.10. Anh đã giao xe cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xuất nhập khẩu Khải L (Công ty Khải L) quản lý, sử dụng và đặt cọc cho Công ty Khải L số tiền 200.000.000đ. Hàng tháng Công ty Khải L phải trả tiền thuê xe của anh và anh là người trực tiếp đến Công ty Khải L để nhận tiền thuê xe. Cuối tháng 3 năm 2016, anh đến Công ty Khải L để nhận tiền thuê xe thì anh đã phát hiện rằng chị L đã sử dụng giấy tờ bán xe đầu kéo mà vợ anh là chị Nguyễn Thị V tự viết và đã ký thay tên anh để chị L

làm thủ tục rút chiếc xe đầu kéo và sơ mi rơ moóc và chị L đã nhận lại số tiền đặt cọc 200.000.000đ do 2 chiếc xe này không tham gia hoạt động kinh doanh vận tải với Công ty Khải L nữa. Đồng thời chị L xin rút toàn bộ hồ sơ gốc xe đầu kéo 98C-091.46 và sơ mi rơ moóc có Biển kiểm soát 98R-007.70 từ Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bắc Giang về Phòng cảnh sát giao thông thành phố Hà Nội để đăng ký xe đầu kéo có Biển kiểm soát mới là 29C-579.84 và sơ mi rơ moóc có Biển kiểm soát mới là 29R-043.14 mà anh không hề biết gì. Sau đó anh đã nhiều lần liên lạc với chị L để yêu cầu chị L trả cho anh xe đầu kéo và hồ sơ đăng ký xe nhưng chị L vẫn không trả cho anh.

Nay, chị L yêu cầu chấm dứt Hợp đồng ủy quyền số 1006/2015, ngày 12/11/2015 và chị L yêu cầu tuyên bố Hợp đồng mua bán xe ô tô giữa anh và anh Nguyễn Ngọc C1 là vô hiệu thì anh không đồng ý. Anh đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của chị L và anh có yêu cầu phản tố cụ thể như sau:

Nay, yêu cầu chị L phải trả cho anh chiếc xe đầu kéo và chiếc xe sơ mi rơ moóc. Trong trường hợp mà chị L không còn xe thì anh yêu cầu chị L phải trả cho anh số tiền tương ứng với giá trị xe là 1.600.000.000đ. Ngoài ra anh còn yêu cầu chị L phải trả cho anh số tiền đặt cọc 200.000.000đ mà chị L đã nhận từ Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xuất nhập khẩu Khải L.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Ngọc C1 do anh Nguyễn Sỹ A là người đại diện cho trình bày: Giữa anh và và anh U có quan hệ họ hàng xa, vào khoảng tháng 11 năm 2016 anh U đã rủ anh đi chơi. Trước khi đi, anh U bảo với anh là mang theo Sổ hộ khẩu và Chứng minh thư của anh. Trên đường đi thì anh U đã nhờ anh đứng tên hộ "bên mua" trong Hợp đồng mua bán xe ô tô ô tô Vios, Biển kiểm soát 30A – 70637 còn "bên bán" là anh U. Anh và anh U đã đến Văn phòng Công chứng tại tỉnh Thái Nguyên. Khi đến Văn phòng Công chứng thì Văn phòng Công chứng đã soạn sẵn Hợp đồng mua bán xe ô tô, anh đã ký vào 03 bản Hợp đồng mua bán xe ô tô. Anh được biết chiếc xe này của chị L nhưng chị L đã ủy quyền cho anh U được phép chuyển nhượng nên anh đã ký vào Hợp đồng mua bán dưới mục bên mua. Khi lập Hợp đồng mua bán xe ô tô, hai bên đã thỏa thuận giá trị chiếc xe là 100.000.000đ nhưng anh cũng chưa trả anh U số tiền này. Anh khẳng định anh chỉ đứng hộ tên trong Hợp đồng mua bán xe ô tô với anh U chứ anh không mua chiếc xe này của anh U và anh U cũng không bán chiếc xe ô tô này cho anh. Hiện nay anh U vẫn đang quản lý sử dụng chiếc xe này. Anh U cũng chưa giao cho anh Giấy tờ xe cho anh và giữa anh và anh U cũng chưa làm thủ tục để sang tên anh tại Phòng Cảnh sát giao thông.

Tại Biên bản đối chất (BL 157); Biên bản hòa giải (BL 156) cùng ngày 28/02/2017, anh Nguyễn Ngọc C1 đã thay đổi lời khai và trình bầy: Anh U đã bán cho anh chiếc xe Vios Biển kiểm soát 30A-70637 với giá 100.000.000đ;

Tại biên bản làm việc ngày 28/02/2018, anh Nguyễn Ngọc C1 đã trình bầy: Lý do anh thay đổi lời khai vì anh có quan hệ họ hàng với anh U nên anh đã nể

nang anh U và đã thay đổi lời khai của mình trong Biên bản hòa giải ngày 28/02/2017.

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 12/3/2018, anh Nguyễn Ngọc C1 đã yêu cầu như sau: Đề nghị tuyên bố Hợp đồng mua bán xe ô tô Toyota Vios Biển kiểm soát 30A-706.37 giữa anh và anh La Thế U là hợp pháp.

Anh yêu cầu chị Đào Mai L phải bồi thường thiệt hại cho anh do việc Tòa án đã áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không đúng cụ thể như sau:

- Xe ô tô không được bảo dưỡng, hoạt động, hư hỏng tài sản gồm 04 chiếc lốp xe, giàn lạnh, thân vỏ xe số tiền 30.000.000đ;

- Thiệt hại do mất thu nhập từ việc kinh doanh cho thuê xe tự lái trong thời gian từ khi thu giữ là 120.000.000đ;

Chị Lê Thị Th đã trình bày: Chị là vợ của anh Nguyễn Ngọc C1, khi vợ chồng chị ở nhà thì có anh La Thế U đến đón chồng chị đến nhà anh U chơi. Khi anh C1 về nhà thì chị thấy anh C1 cầm trong tay Hợp đồng mua bán xe ô tô. Anh C1 đã nói với chị là anh C1 chỉ đứng hộ tên trong Hợp đồng mua bán xe ô tô với anh U chứ thực tế anh C1 không mua bán chiếc xe ô tô này của anh U. Từ ngày anh C1 ký Hợp đồng mua xe ô tô của anh U đến đến nay thì anh C1 cũng không mang xe ô tô về nhà. Vợ chồng chị cũng không có điều kiện về kinh tế để mua ô tô của anh U, anh C1 cũng không có Bằng lái xe ô tô. Chị khẳng định vợ chồng chị không mua xe ô tô của anh U và không nợ anh U tiền mua xe ô tô.

Tại bản tự khai ngày 05/9/2018 chị Thu đã thay đổi lời khai: Cuối năm 2016, anh C1 đã cho chị biết là anh C1 đã mua chiếc xe ô tô Vios Biển kiểm soát 30A -706.37 của anh U với giá tiền là 410.000.000đ. Ngày 28/02/2017, chiếc xe ô tô đã bị Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y cưỡng chế thi hành theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/QĐ và số 04/QĐ/2017 của Tòa án nhân dân huyện Y. Ngay sau khi biết sự việc này, anh C1 đã liên tục khiếu nại nhưng không được giải quyết. Anh C1 đã mua chiếc xe ô tô này của anh U nên chiếc xe ô tô này thuộc quyền sở hữu hợp pháp của vợ chồng chị. Việc Tòa án nhân dân huyện Y đã ban hành Quyết định kê biên đối với chiếc xe ô tô này ảnh hưởng đến quyền và lợi ích chính đáng của vợ chồng chị. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y đã giữ chiếc xe ô tô này là trái pháp luật. Chị yêu cầu Tòa án và chị L phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho vợ chồng chị vì vợ chồng chị không được sử dụng chiếc xe ô tô này từ ngày Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y giữ chiếc xe ô tô theo Quyết định kê biên của Tòa án.

Anh Trần Ngọc C do chị Đào Mai L đại diện trình bày: Anh Trần Ngọc C là chồng của chị Đào Mai L. Vợ chồng chị có một chiếc xe ô tô Toyota nhãn hiệu Vios, Biển kiểm soát 30A – 70637; Giấy chứng nhận đăng ký ô tô số 112735 do Phòng cảnh sát giao thông công an thành phố Hà Nội cấp ngày 06/7/2015; chủ xe o tô mang tên Đào Mai L. Ngày 14/10/2015, anh Trần Ngọc C đã ủy quyền cho chị Đào Mai L được sử dụng, định đoạt chiếc xe ô tô này. Hợp đồng ủy quyền đã được công chứng tại

Phòng Công chứng Hồ Gươm, thành phố Hà Nội. Thời hạn ủy quyền là 10 năm. Nay, anh vẫn đồng ý ủy quyền cho chị L được quyền sử dụng và định đoạt chiếc xe ô tô này.

Chị Nguyễn Thị V đã trình bày: Chị là vợ anh La Thế U, chị kết hôn với anh U từ năm 2010, anh U thường xuyên đi làm ăn xa, thi thoảng anh U mới về nhà, công việc làm ăn của anh U như thế nào thì chị không nắm được. Chị L đã lập Hợp đồng ủy quyền cho anh U sử dụng xe ô tô Toyota Vios, Biển kiểm soát 30A-706.37 tại Văn phòng Công chứng Quang M. Đến ngày 22/11/2016, anh U đã bán chiếc xe này cho anh Nguyễn Ngọc C1 và 2 bên đã lập Hợp đồng mua bán xe ô tô tại Văn phòng Công chứng Nam Th. Đến tối ngày 23/11/2016, anh U mới về nhà và lúc đó anh U mới biết về việc chị L đã có đơn kiện anh U tại Tòa án.

Đối với chiếc xe đầu kéo có Biển kiểm soát 98C-091.46 và sơ mi rơ moóc có Biển kiểm soát 98R-007.70: Anh U đã gọi điện thoại cho chị, anh U đã đề nghị chị viết Giấy bán xe đầu kéo và mang đến Ủy ban nhân dân xã đề nghị xác nhận rồi gửi cho anh U để anh U giao cho chị L. Sau đó chị L đã phát hiện Giấy bán xe đầu kéo này là không hợp pháp và chị L đã không đồng ý mua xe đầu kéo nữa. Nhưng chị được biết là chị L đã bán xe đầu kéo có Biển kiểm soát 98C-091.46 và sơ mi rơ moóc có Biển kiểm soát 98R-007.70 của vợ chồng chị. Chị yêu cầu chị L phải trả lại 02 xe này cho vợ chồng chị. Ngoài ra chị đề nghị chị L phải trả lại cho chị 200.000.0000đ do chị L đã rút số tiền này của vợ chồng chị từ Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xuất nhập khẩu Khải L.

Văn phòng Công chứng Nam Th do ông Nguyễn Văn Ch đại diện trình bày: Ngày 09/10/2015, Văn phòng Công chứng Nam Th, tỉnh Thái Nguyên nhận được yêu cầu công chứng của anh La Thế U về việc chị L đã bán cho anh Nguyễn Ngọc Cường chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Biển kiểm soát 30A-706.37, số máy INZZ269788, số khung RL4BT9F34F4013360 mang tên chủ sở hữu là chị Đào Mai L. Ngày 22/11/2016, Văn phòng Công chứng Nam Th đã nhận được yêu cầu công chứng Hợp đồng mua bán xe ô tô giữa anh U và anh Nguyễn Ngọc C1 trong đó anh U đã bán chiếc xe trên cho anh Nguyễn Ngọc C1. Cả 02 Hợp đồng mua bán xe ô tô nêu trên đều do Công chứng viên là ông Nguyễn Văn Chỉnh chứng nhận theo thủ tục công chứng Hợp đồng giao dịch. Văn phòng Công chứng Nam Th xin vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

Văn phòng Công chứng Quang M do ông Hoàng Hữu H1 đại diện trình bày: Ngày 12/11/2015, Văn phòng Công chứng Quang M có công chứng Hợp đồng ủy quyền số 1006/2015, quyển số 02 TP/CC-SCC/HĐGD giữa chị Đào Mai L và anh La Thế U. Người thực hiện công chứng là Công chứng viên Hoàng Hữu H1. Khi thực hiện việc công chứng Hợp đồng thì Công chứng viên của Văn phòng đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về công chứng Hợp đồng. Đến ngày 23/7/2016, chị Đào Mai L có gửi cho Văn phòng 01 bản Thông báo về việc đề nghị hủy Hợp đồng ủy quyền số 1006/2015. Ông H1 là người trực tiếp nhận và ký xác nhận vào Thông báo do chị L lập. Tranh chấp giữa chị Đào Mai L và anh

La Thế U có liên quan đến Hợp đồng ủy quyền do Công chứng viên Hoàng Hữu H1 công chứng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Văn phòng Công chứng Quang M xin vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại Xuất nhập khẩu Khải L do ông Nguyễn Văn D đại diện trình bày: Năm 2015, chị Đào Mai L cùng với anh C2 (tên thật là U) đến công ty Khải L đặt vấn đề về việc giao 02 chiếc xe đầu kéo cho Công ty Khải L để Công ty sử dụng 02 chiếc xe đầu kéo tham gia vào hoạt động vận tải hàng hóa và Công ty sẽ phải trả tiền thuê xe cho chị L và anh C2; 02 chiếc xe đó là: 01 chiếc xe đầu kéo có Biển kiểm soát 98C-091.46 cùng sơ mi rơ moóc Biển kiểm soát 98R-007.70; 01 chiếc xe đầu kéo có Biển kiểm soát 98c-008.56 cùng sơ mi rơ moóc có Biển kiểm soát 98R-008.17; Giấy đăng ký xe đầu kéo cùng sơ mi rơ moóc đều mang tên anh La Thế U. Chị L và anh C2 đã đặt cọc cho Công ty số tiền 200.000.000đ/1 xe, mục đích của việc đặt cọc là để nhằm đảm bảo cho việc chủ xe nghiêm túc thực hiện hoạt động vận chuyển hàng hóa, trường hợp có xẩy ra thiệt hại do lỗi của chủ xe thì Công ty sẽ dùng số tiền đặt cọc đó để bồi thường thiệt hại. Quá trình Công ty sử dụng 02 chiếc xe này để vận chuyển hàng hóa thì 02 bên thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ. Công ty đã thanh toán đầy đủ cước vận tải cho chủ xe là chị L và anh C2. Năm 2016, chị L, anh C2 đã báo cho Công ty về việc xin nghỉ xe do chị L, anh C2 cần chuyển Biển số xe đầu kéo 98C-091.46 cùng sơ mi rơ moóc Biển kiểm soát 98R-007.70 sang Biển kiểm soát thành phố Hà Nội. Chiếc xe Biển kiểm soát 98C-091.46 cùng sơ mi rơ moóc Biển kiểm soát 98R-007.70 không tham gia hoạt động vận chuyển hàng hóa tại Công ty từ khi chủ xe là chị L, anh C2 báo nghỉ xe. Công ty cũng đã trả cho chị L, anh C2 số tiền 200.000.000đ mà chị L, anh C2 đã đặt cọc cho Công ty. Đến khi được Công an tỉnh Lạng Sơn mời lên trụ sở làm việc thì Công ty mới biết người được chị L giới thiệu tên là C2 (là người tham gia vận chuyển hàng hóa cùng chị L) có tên thật là La Thế U.

Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2018/DS-ST ngày 05/11/2018 của Toà án nhân dân huyện Y đã áp dụng Điều 6, khoản 3, khoản 6 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 161, Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016; Điều 2 Luật Thi hành án dân sự. Điều 122, Điều 127, Điều 129, Điều 410, Điều 581, Điều 583, Điều 584, Điều 587, Điều 588; Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2005 xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đào Mai L.

Tuyên bố Hợp đồng mua bán xe ô tô Vios, Biển kiểm soát 30A- 706.37 ngày 09/10/2015 giữa chị Đào Mai L và anh La Thế U vô hiệu;

Tuyên bố Hợp đồng mua bán xe ô tô Vios, Biển kiểm soát 30A- 706.37 ngày 22/11/2016 giữa anh La Thế U và anh Nguyễn Ngọc C1 vô hiệu;

Tuyên bố chấm dứt Hợp đồng ủy quyền ngày 12/11/2015 giữa chị Đào Mai L và anh La Thế U. Buộc anh La Thế U phải trả lại cho chị Đào Mai L xe ô tô Toyota nhãn hiệu Vios, Biển kiểm soát 30A- 706.37 số khung 9F34F4013360, số máy 1NZZ269778 và một đăng ký xe ô tô số 112735 do Phòng cảnh sát Giao thông Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 06/7/2015 mang tên Đào Mai L.

- Bác yêu cầu khởi kiện của chị Đào Mai L về việc yêu cầu anh La Thế U phải bồi thường thiệt hại cho chị L số tiền 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng) do anh U chiếm hữu, khai thác, sử dụng tài sản là chiếc xe Toyota Vios Biển kiểm soát 30A-706.37.

- Bác yêu cầu độc lập của anh Nguyễn Ngọc C1 do anh Nguyễn Sỹ A đại diện yêu cầu chị Đào Mai L phải bồi thường thiệt hại do xe không được bảo dưỡng dẫn đến hư hỏng và thiệt hại do mất thu nhập từ việc kinh doanh cho thuê xe tự lái.

- Đình chỉ yêu cầu của anh La Thế U yêu cầu chị L phải trả lại xe đầu kéo Biển kiểm soát 98C-091.46 và sơ mi rơ moóc Biển kiểm soát 98R-007.70. Anh U có quyền khởi kiện chị Đào Mai L vụ án dân sự độc lập theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đào Mai L phải chịu 6.000.000đ (sáu triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại không được Tòa án chấp nhận nhưng được trừ vào tổng số tiền 3.600.000đ (ba triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp tại các Biên lai thu tiền số AA/2014/0004032 ngày 04/11/2016, Biên lai thu tiền số AA/2014/0004074 ngày 23/12/2016 và Biên lai thu tiền số AA/2012/02388 ngày 04/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Chị L còn phải nộp tiếp số tiền còn thiếu là 2.400.000đ (hai triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền án phí DSST.

Anh La Thế U phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu tuyên bố chấm dứt hợp đồng ủy quyền của chị Đào Mai L được Tòa án chấp nhận; 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) đối với yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu của chị L được Tòa án chấp nhận; Tổng số tiền án phí DSST anh U phải chịu là 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng).

Hoàn trả anh La Thế U 20.300.000đ (hai mươi triệu ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh U đã nộp tại Biên lai thu tiền số AA/2014/0004114 ngày 29/01/2018 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Anh Nguyễn Ngọc C1 phải chịu 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm nghìn đồng đối với yêu cầu độc lập không được Tòa án chấp nhận được trừ vào số tiền 3.750.000đ (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh C1 đã nộp tại biên lai thu tiền số AA/2014/0004138 ngày 12/3/2018 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Bắc Giang thu. Anh C1 còn phải nộp 3.750.000đ (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí.

-Về chi phí giám định: Anh La Thế U phải chịu 3.000.000đ (ba triệu đồng) tiền chi phí giám định nhưng được trừ vào số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) anh U đã

nộp tại Tòa án nhân dân huyện Y. Anh U đã nộp đủ số tiền trên.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền thi hành án và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18/11/2018, anh Trần Ngọc C nộp đơn kháng cáo; ngày 19/11/2018, anh La Thế U nộp đơn kháng cáo. Anh U và anh C1 đêu không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm đã xử.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Đào Mai L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh La Thế U và anh Trần Ngọc C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

+Anh La Thế U trình bầy: Anh không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm đã xử. Ngày 09/10/2015, chị L đã lập Hợp đồng bán chiếc xe ô tô Toyota nhãn hiệu Vios, Biển kiểm soát 30A- 706.37 cho anh, Hợp đồng mua bán xe ô tô giữa chị L và anh được công chứng, chứng thực tại Văn phòng Công chứng Nam Th. Do chị L cũng chưa được anh Trần Ngọc C (chồng chị L) ủy quyền cho chị L bán xe ô tô nên anh đã không đồng ý với nội dung của Hợp đồng mua bán xe ô tô ngày 09/10/2015. Đến ngày 12/11/2015, chị L lập Hợp đồng ủy quyền cho anh được quản lý, sử dụng và định đoạt chiếc xe ô tô Toyota nhãn hiệu Vios, Biển kiểm soát 30A-706.37. Ngày 22/11/2016, anh đã bán chiếc xe ô tô này cho anh Nguyễn Ngọc C1 nên chiếc xe ô tô này thuộc quyền quản lý sử dụng của anh Nguyễn Ngọc C1. Theo Điều 588 BLDS năm 2005 thì việc chị L muốn hủy Hợp đồng ủy quyền với anh thì chị L phải thông báo cho anh biết trước 1 thời gian. Việc chị L trình bầy là chị L đã gửi cho anh Thông báo về việc chị L hủy Hợp đồng ủy quyền ngày 12/11/2015 qua bưu điện thì anh không nhận được nên việc chị L hủy Hợp đồng ủy quyền là không hợp pháp. Tại phiên tòa xét xử vụ án thì anh mới biết về vấn đề này. Chị L cũng không gửi Thông báo về việc chị L hủy Hợp đồng ủy quyền cho Văn phòng Công chứng Quang M. Nếu Hợp đồng mua bán xe ô tô giữa anh và chị L không hợp pháp thì việc chị L lập Hợp đồng ủy quyền cho anh được quản lý, định đoạt xe ô tô vẫn còn giá trị đến ngày anh chuyển nhượng xe ô tô này cho anh Nguyễn Ngọc C1. Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm đã xử.

+Anh Nguyễn Ngọc C1 đã trình bầy: Anh không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm đã xử. Anh được biết xe ô tô Toyota nhãn hiệu Vios, Biển kiểm soát 30A-706.37 là của chị L nhưng chị L đã lập Hợp đồng ủy quyền cho anh U được quản lý, sử dụng và định đoạt chiếc xe ô tô này. Sau đó anh U đã chuyển nhượng xe ô tô này cho anh nên chiếc xe ô tô thuộc quyền quản lý sử dụng của anh. Anh đã trả hết tiền mua xe cho anh U. Mặc dù xe ô tô này chưa được sang tên cho anh nhưng việc mua bán xe ô tô giữa anh U và anh là hợp pháp.

+ Chị L đã trình bầy: Do chị đang mâu thuẫn với chồng và anh U đã nói với chị là anh U đang chuẩn bị ly hôn vợ nên chị và anh U cùng chung sống với nhau. Anh U đã sử dụng xe ô tô Toyota nhãn hiệu Vios, Biển kiểm soát 30A- 706.37 của

chị. Chị thừa nhận là ngày 12/11/2015, chị có lập Hợp đồng ủy quyền cho anh được quản lý, sử dụng và định đoạt chiếc xe ô tô này. Nhưng khi chị lập hợp đồng ủy quyền này thì chị không được minh mẫn, đến ngày 17/4/2016, chị đã đến nhà anh U đề nghị anh U trả lại cho chị xe ô tô và các Giấy tờ xe nhưng chị và anh U đã xảy ra mâu thuẫn và anh U không đồng ý trả lại xe ô oto cho chị. Ngày 28/4/2016, chị làm đơn tố cáo anh U đã chiếm hữu xe của chị tại Công an tỉnh Bắc Giang. Đến ngày 19/7/2016, chị đã rút đơn tố cáo tại Cơ quan Công an. Ngày 02/7/2016, chị lập Thông báo chấm dứt Hợp đồng ủy quyền với anh U. Ngày 08/7/2016 chị gửi Thông báo này cho anh U theo địa chỉ nhà của anh U tại Thôn Chúc, xã T, huyện Y qua bưu điện Hà Nội. Bưu phẩm gửi cho anh U đã lấy tên người gửi là Nguyễn Bích D vì chị nghĩ nếu lấy tên chị thì anh U sẽ không nhận Bưu phẩm. Ngày 23/7/2016, chị gửi Thông báo này đến Văn phòng Công chứng Quang M; ngày 01/8/2016, chị gửi Thông báo này đến anh T là Trưởng Công an xã T, anh T đã hứa với chị về việc sẽ gửi Thông báo này đến anh U. Ngày 01/11/2016, chị nộp đơn khởi kiện và ngày 04/11/2016, Tòa án nhân dân huyện Y đã thụ lý vụ án. Ngày 22/11/2016, anh U bán xe ô tô này cho anh Nguyễn Ngọc C1. Như vậy, việc anh U bán chiếc xe ô tô của chị cho anh Nguyễn Ngọc C1 là sau thời điểm chị đã có Thông báo chấm dứt Hợp đồng ủy quyền với anh U và sau thời điểm Tòa án thụ lý vụ án nên việc mua bán xe ô tô này là không hợp pháp. Anh U xuất trình Hợp đồng mua bán xe ô tô giữa chị và anh U thì chị khẳng định chữ ký của "bên bán xe ô tô" không phải là chữ ký của chị.

+ Luật sư Nguyễn Văn Hải bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh U và anh Nguyễn Ngọc C1 đã phát biểu: Chị L đã bán xe ô tô này cho anh U và 2 bên đã lập Hợp đồng mua bán xe ô tô, Hợp đồng mua bán xe ô tô đã được công chứng tại Văn phòng Công chứng Nam Th nên được coi là hợp pháp. Đề nghị hoãn phiên tòa để triệu tập Văn phòng Công chứng Quang M và Văn phòng Công chứng Nam Th đến phiên tòa để làm rõ có hay không có việc mua bán chiếc xe tô tô Toyota nhãn hiệu Vios, Biển kiểm soát 30A- 706.37 giữa chị L và anh U. Trường hợp Văn phòng Công chứng Quang M và Văn phòng Công chứng Nam Th không đến phiên tòa thì đề nghị Tòa án dẫn giải đến phiên tòa đối với 02 Văn phòng Công chứng này. Chị L đã trình bầy là chị L lập Thông báo chấm dứt Hợp đồng ủy quyền với anh U nhưng anh U chưa nhận được thông báo này. Theo xác minh tại Văn phòng Công chứng Quang M thì chị L cũng chưa gửi Thông báo này cho Văn phòng Công chứng Quang M. Theo Hợp đồng ủy quyền của chị L ngày 12/11/2015 thì anh U có quyền bán xe ô tô cho anh Nguyễn Ngọc C1. Ban đầu anh Nguyễn Ngọc C1 đã bị Tòa án cấp sơ thẩm gây áp lực nên anh C1 đã khai về việc anh C1 không mua xe ô tô của anh U. Việc anh C1 ký tên trong Hợp đồng mua bán xe ô tô với anh U là do anh C1 đứng tên người mua xe hộ anh U. Sau này anh C1 đã thay đổi lời khai nhưng lời khai này của anh C1 không được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét và chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm đã xử.

+ Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của BLTTDS.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của anh U và anh Nguyễn Ngọc C1, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị Đào Mai L là chủ sở hữu của chiếc xe ô tô Toyota Vios có Biển kiểm soát 30A -706.37. Ngày 12/11/2015 chị L và anh U lập Hợp đồng ủy quyền tại Văn phòng Công chứng Quang M, Hợp đồng có nội dung chị L ủy quyền cho anh U được quản lý, sử dụng, được quyền bán, cho thuê, tìm người mua, người thuê, giá cả thỏa thuận và phương thức thanh toán, được nhận tiền mua, tiền thuê, được quyền thế chấp tại các tổ chức tín dụng, được mua bảo hiểm và nhận tiền thụ hưởng bảo hiểm trong trường hợp xảy ra sự kiện bảo hiểm đối với chiếc xe ô tô trên. Thời hạn ủy quyền từ ngày 12/11/2015 đến ngày 14/10/2025. Sau đó chị L đã giao xe ô tô cùng Giấy tờ xe cho anh U quản lý, sử dụng theo nội dung mà chị L đã ủy quyền. Ngày 02/6/2016, chị L có Thông báo về việc đơn phương chấm dứt Hợp đồng ủy quyền cho anh U. Chị L đã đã gửi Thông báo này tới địa chỉ của anh U ở thôn Chúc, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang bằng Bưu phẩm số EK 10 907478 5VN qua bưu điện. Ngoài ra chị L còn gửi Thông báo này cho Văn phòng Công chứng Quang M. Chị L còn đề nghị anh U phải trả cho chị L chiếc xe ô tô này.

Anh U không đồng ý giao xe ô tô cho chị L vì lý do anh U không nhận Thông báo về việc đơn phương chấm dứt Hợp đồng ủy quyền của chị L. Anh U còn xuất trình Hợp đồng mua bán xe ô tô giữa chị L và anh U ngày 09/10/2015 (chị L là người bán và anh U là người mua) và Hợp đồng mua bán xe ô tô giữa anh U và anh Nguyễn Ngọc C1 ngày 22/11/2016 (anh U là người bán anh Nguyễn Ngọc C1 là người mua). Theo anh U trình bầy thì việc mua bán xe ô tô giữa các bên là hợp pháp và chiếc xe ô tô này thuộc quyền quản lý sử dụng của anh Nguyễn Ngọc C1.

Ngày 01/11/2016, chị L làm đơn khởi kiện đến Tòa án đề nghị hủy Hợp đồng ủy quyền số 1006/2015, ngày 12/11/2015; hủy Hợp đồng mua bán xe giữa chị L và anh U và hủy Hợp đồng mua bán xe giữa anh U và anh Nguyễn Ngọc C1.

Bản án sơ thẩm đã chấp nhận các yêu cầu khởi kiện trên của chị L.

Sau khi xét xử sơ thẩm, anh La Thế U và anh Nguyễn Ngọc C1 nộp đơn kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm đã xử.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Luật sư Hải bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh U và anh Nguyễn Ngọc C1 đề nghị hoãn phiên tòa để triệu tập Văn phòng Công chứng Quang M và Văn phòng Công chứng Nam Th đến phiên tòa để làm rõ có

hay không có việc mua bán chiếc xe tô tô Toyota nhãn hiệu Vios, Biển kiểm soát 30A- 706.37 giữa chị L và anh U. Trường hợp Văn phòng Công chứng Quang M và Văn phòng Công chứng Nam Th không đến phiên tòa thì đề nghị áp giải. Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm đã xử.

Anh U kháng cáo và trình bầy: Anh U không nhận được Thông báo của chị L về việc chị L hủy Hợp đồng ủy quyền ngày 12/11/2015. Tại phiên tòa xét xử vụ án thì anh mới biết về nội dung này. Chị L cũng không gửi Thông báo này cho Văn phòng Công chứng Quang M. Chị L đơn phương chấm dứt Hợp đồng ủy quyền cho anh U mà không thông báo cho anh U là vi phạm Điều 588 BLDS năm 2005, việc chị L hủy Hợp đồng ủy quyền là không hợp pháp. Trường hợp xác định Hợp đồng mua bán xe ô tô giữa anh U và chị L là không hợp pháp nhưng chị L đã lập Hợp đồng ủy quyền cho anh U được quản lý, định đoạt xe ô tô, Hợp đồng ủy quyền này vẫn còn giá trị đến ngày anh U chuyển nhượng xe ô tô này cho anh Nguyễn Ngọc C1.

Anh U và anh Nguyễn Ngọc C1 đều đề nghị Tòa án công nhận Hợp đồng chuyển nhượng xe ô tô giữa anh U và anh C1, chiếc xe ô tô thuộc quyền sử dụng hợp pháp của anh Nguyễn Ngọc C1.

Xét yêu cầu kháng cáo của anh U và anh C1, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về việc Luật Hải đề nghị hoãn phiên tòa để triệu tập Văn phòng Công chứng Quang M và Văn phòng Công chứng Nam Th đến phiên tòa; trong trường hợp Tòa án đã triệu tập Văn phòng Công chứng Quang M và Văn phòng Công chứng Nam Th nhưng 02 Văn phòng Công chứng này vẫn không đến phiên tòa thì đề nghị Tòa án dẫn giải 02 Văn phòng Công chứng đến phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Văn phòng Công chứng Nam Th và Văn phòng Công chứng Quang M được xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:. Văn phòng Công chứng Nam Th do ông Nguyễn Văn Chỉnh- Công chứng viên là Người đại diện theo pháp luật đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Văn phòng Công chứng Quang M do ông Hoàng Hữu Hiển- Công chứng viên là Người đại diện theo pháp luật đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt. Theo khoản 3 Điều 296 BLTTDS, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án vắng mặt Văn phòng Công chứng Nam Th và Văn phòng Công chứng Quang M. Theo các quy định của BLTTDS thì không có quy định nào về việc Tòa án tiến hành dẫn giải đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đến phiên tòa. Do vậy đề nghị của Luật sư Hải về nội dung này là không có cơ sở chấp nhận.

[2] Anh U kháng cáo cho rằng chị L đã bán xe ô tô cho anh U nên anh U được quản lý sử dụng hợp pháp chiếc xe ô tô này. Về nội dung kháng cáo này của anh U, Hội đồng xét xử xét thấy:

Anh U đã xuất trình Hợp đồng mua bán xe ô tô giữa chị L và anh U ngày 09/10/2015, Hợp đồng đã được công chứng tại Văn phòng Công chứng Nam Th. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị L, anh U cũng không đều

thừa nhận chữ ký của mình trong Hợp đồng mua bán này. Anh U đã đề nghị Tòa án ra Quyết định trưng cầu giám định chữ viết "Đào Mai L" trong Hợp đồng mua bán xe ô tô ngày 09/10/2015. Tại Kết luận giám định số 79/PC54 ngày 13/01/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang đã nêu: "Chữ ký, chữ viết mang tên Đào Mai L trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết của Đào Mai L trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M6 là không phải do cùng một người ký, viết ra". Như vậy, Hợp đồng mua bán ô tô ngày 09/10/2015 đã thể hiện chữ viết và chữ ký dưới mục "bên bán" không phải là chữ viết, chữ ký của chị Đào Mai L, Hợp đồng này đã vi phạm các quy định tại Điều 122 Bộ luật dân sự về các điều kiện của giao dịch dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ các Điều 127, Điều 410 Bộ luật dân sự năm 2005 và đã tuyên Hợp đồng mua bán xe ô tô ngày 09/10/2015 giữa chị L và anh U là vô hiệu là đúng các quy định của pháp luật. Vì vậy, anh U kháng cáo về nội dung này là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của anh U về việc anh U không nhận được Thông báo của chị L về việc chị L đã đơn phương chấm dứt Hợp đồng ủy quyền cho anh U ngày 02/6/2016, anh U còn cho rằng việc chị L không thông báo trước cho anh U về việc chị L đơn phương chấm dứt Hợp đồng ủy quyền cho anh U là vi phạm Điều 588 BLDS năm 2005, việc chị L chấm dứt Hợp đồng ủy quyền là không hợp pháp, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hợp đồng ủy quyền được chị L và anh U ký kết ngày 12/11/2015, khi ký kết các bên hoàn toàn tự nguyện và được công chứng, chứng thực. Như vậy, Hợp đồng ủy quyền đã tuân thủ các quy định tại các Điều 581, 582 của BLDS năm 2005 nên được coi là hợp pháp. Ngày 02/6/2016, chị L đã lập Thông báo về việc chị L đơn phương chấm dứt Hợp đồng ủy quyền ngày 12/11/2015.

Chị L đã trình bầy: Ngày 08/7/2016, chị L đã gửi Thông báo này cho anh U theo địa chỉ nhà của anh U tại thôn Chúc, xã T, huyện Y qua bưu điện Nguyễn Công Trứ, thành phố Hà Nội. Khi gửi Thông báo chị L đã lấy tên người gửi trên Bưu phẩm là Nguyễn Bích Diệp, lý do chị L lấy tên người gửi là Diệp vì chị L nghĩ nếu lấy tên chị L thì anh U sẽ không nhận Bưu phẩm này.

Tại Hóa đơn gửi Bưu phẩm số EK 10 907478 5VN của Bưu điện Nguyễn Công Trứ, thành phố Hà Nội đã thể hiện ngày gửi là 08/7/2016; người gửi là Nguyễn Bích Diệp; người nhận là anh La Thế U; địa chỉ người nhận là: Thôn Chúc, xã T, huyện Y, (BL 16).

Bà Nguyễn Thị Bẩy là bưu tá xã T đã trình bầy: Bà đã nhiều lần chuyển Bưu phẩm theo địa chỉ của anh U, khi thì anh U nhận khi thì chị Vân vợ anh U nhận. Khi phát thành công thì Bưu điện hoàn lại phiếu EMS cho bưu cục bên người gửi (BL 141);

Chị Nguyễn Thị V vợ anh U đã trình bầy: Vợ chồng chung sống và phát triển kinh tế chung, anh U đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về nhà, (BL 51);

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 19/4/2017, anh U cũng khẳng định anh U có biết về việc có người đã gửi Bưu phẩm cho anh U nhưng do anh U vắng nhà nên anh U

không nhận được, sau khi anh U về nhà và tìm Bưu phẩm nhưng không thấy, (BL 236).

Theo Điều 588, Điều 589 Bộ luật dân sự năm năm 2005 đã quy định về việc đơn phương chấm dứt Hợp đồng ủy quyền như sau:

Điều 588 quy định Đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng ủy quyền:

1. Trong trường hợp ủy quyền có thù lao, bên ủy quyền có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng bất cứ lúc nào, nhưng phải trả thù lao cho bên được ủy quyền tương ứng với công việc mà bên được ủy quyền đã thực hiện và bồi thường thiệt hại; nếu ủy quyền không có thù lao thì bên ủy quyền có thể chấm dứt thực hiện hợp đồng bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên được ủy quyền một thời gian hợp lý.

Bên ủy quyền phải báo bằng văn bản cho người thứ ba biết về việc bên ủy quyền chấm dứt thực hiện hợp đồng; nếu không báo thì hợp đồng với người thứ ba vẫn có hiệu lực, trừ trường hợp người thứ ba biết hoặc phải biết về việc hợp đồng ủy quyền đã bị chấm dứt.

2. Trong trường hợp ủy quyền không có thù lao, bên được ủy quyền có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên ủy quyền biết một thời gian hợp lý; nếu ủy quyền có thù lao thì bên được ủy quyền có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng bất cứ lúc nào và phải bồi thường thiệt hại cho bên ủy quyền.

Điều 589 quy định về chấm dứt Hợp đồng ủy quyền:

Hợp đồng ủy quyền chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

1. Hợp đồng ủy quyền hết hạn;

2. Công việc được ủy quyền đã hoàn thành;

3. Bên ủy quyền, bên được ủy quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 588 của Bộ luật này;

4. Bên ủy quyền hoặc bên được ủy quyền chết, bị Toà án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, mất tích hoặc là đã chết.

Việc chị L đã lập Thông báo có nội dung: Chị L đơn phương chấm dứt Hợp đồng ủy quyền với anh U và ngày 08/7/2016, chị L đã gửi Thông báo này cho anh U là chị L đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 588 của BLDS năm 2005.

Mặc dù anh U đã trình bầy là anh U không nhận được Thông báo của chị L về việc chị L đã đơn phương chấm dứt Hợp đồng ủy quyền cho anh U ngày 02/6/2016 nhưng Bưu phẩm do chị L gửi cho anh U ngày 08/7/2016 qua Bưu điện Nguyễn Công Chứ, thành phố Hà Nội cũng đã được phát thành công.

Anh U đã trình bầy về việc anh U không nhận được Thông báo của chị L là không có cơ sở chấp nhận. Theo quy định của khoản 3 Điều 589 BLDS thì việc chấm dứt ủy quyền của chị L đối với anh U có hiệu lực kể từ ngày vợ chồng anh U nhận được Thông báo của chị L (ngày Bưu điện đã phát thành công Bưu phẩm số EK 10 907478 5VN).

[4] Về việc anh La Thế U và anh Nguyễn Ngọc C1 đề nghị công nhận Hợp đồng mua bán xe ô tô Toyota Vios Biển kiểm soát 30A -706.37VIOS ngày 22/11/2016 trong đó anh U là người bán và anh Nguyễn Ngọc C1 là người mua, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo Hợp đồng mua bán xe ô tô Toyota Vios Biển kiểm soát 30A -706.37VIOS ngày 22/11/2016 do anh U xuất trình thì Hợp đồng này đã được công chứng tại Văn phòng Công chứng Nam Th; giá bán xe ô tô ghi trong Hợp đồng là 100.000.000đ.

Tại các Biên bản lấy lời khai ngày 06/12/2016 và ngày 21/02/2017, anh Nguyễn Ngọc C1 khẳng định anh C1 chỉ đứng tên trong Hợp đồng mua bán với anh U chứ thực chất là anh không mua xe ô tô của anh U. Sau khi anh C1 ký Hợp đồng thì anh U cũng không chuyển giao xe và giấy tờ xe ô tô này cho anh C1, (BL 88).

Tại Biên bản hòa giải ngày 28/02/2017 và Biên bản đối chất ngày 28/02/2017 anh Nguyễn Ngọc C1 đã thay đổi lời khai và trình bầy: Anh C1 có mua chiếc xe ô tô này của anh U, anh C1 đã trả cho anh U số tiền mua xe là 100.000.000đ; anh U đã giao xe ô tô cho Cường, (BL 156).

Tại Biên bản làm việc ngày 28/02/2017, (sau khi hòa giải) anh C1 thừa nhận anh C1 có quan hệ họ hàng với anh U nên anh C1 đã thay đổi lời khai, đến nay anh C1 xác định những lời khai của anh C1 tại các Biên bản lấy lời khai ngày 06/12/2016 và ngày 21/02/2017 là hoàn toàn chính xác, anh C1 đề nghị giữ nguyên các lời khai này, (BL 158).

Chị Lê Thị Thu là vợ anh Nguyễn Ngọc C1 đã trình bầy: Vợ chồng chị không mua bán chiếc xe ô tô này của anh U, từ ngày 2 bên ký Hợp đồng mua bán xe ô tô đến nay thì anh C1 cũng không mang xe ô tô về nhà, gia đình chị cũng không có điều kiện để mua ô tô; anh C1 cũng không có Giấy phép lái xe ô tô, (BL 142).

Tại bản tự khai ngày 05/9/2018, chị Thu đã thay đổi lời khai và trình bầy: Vợ chồng chị đã mua xe ô tô của anh La Thế U, (BL 830, 831).

Qua xác minh tại địa phương đã thể hiện: Từ tháng 11/2016 đến nay anh C1 và gia đình anh C1 không sử dụng chiếc xe ô tô này, (BL 144, 145).

Như vậy, lời khai của anh C1 và chị Thu ban đầu phù hợp với nhau và lời khai này là mâu thuẫn với lời khai của anh U. Sau đó anh C1 và chị Thu thay đổi lời khai và trình bầy đồng nhất với ý kiến của anh U về việc đã mua xe ô tô của anh U.

Như vậy, giữa anh U và anh C1 có quan hệ họ hàng, do đó lời khai sau này của anh C1 và vợ anh C1 đã không đảm bảo tính khách quan và lời khai này đã mâu thuẫn với chính lời khai ban đầu của họ.

Từ những căn cứ nêu trên có cơ sở để khẳng định anh U và anh C1 ký kết Hợp đồng mua bán xe ô tô là giả tạo. Hợp đồng này đã vi phạm Điều 129 Bộ luật dân sự. Hơn nữa, ngày 04/11/2016, Tòa án tiến hành thụ lý vụ án và ngày 18/11/2016,

Tòa án đã tiến hành giao Thông báo thụ lý vụ án cho anh U qua chị Nguyễn Thị V là vợ anh U nhận thay cho anh U. Chị Vân đã cam kết sẽ giao lại cho anh U, (BL 36, 42).

Như vậy, Tòa án tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cho anh U trước ngày anh U lập Hợp đồng bán xe cho anh C1.

Mặt khác thì anh C1 cũng chưa làm thủ tục sang tên đăng ký quyền sở hữu xe ô tô theo quy định tại khoản 2 Điều 439 Bộ luật dân sự năm 2005 do đó quyền sở hữu chiếc xe ô tô này vẫn thuộc chị L mà chưa được chuyển giao cho anh C1.

Do vậy, kháng cáo của anh U và anh Nguyễn Ngọc C1 về nội dung này là không có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên thì thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L về những nội dung trên là có căn cứ. Do vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh U và anh Nguyễn Ngọc C1, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của anh La Thế U và anh Nguyễn Ngọc C1, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử.

Áp dụng Điều 6, khoản 3, khoản 6 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 161, Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; Điều 122, Điều 127, Điều 129, Điều 410, Điều 581, Điều 583, Điều 584, Điều 587, Điều 588; Điều 589 BLDS năm 2005; Điều 2 Luật Thi hành án dân sự. Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 xử:

-Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đào Mai L về việc:

Tuyên bố Hợp đồng mua bán xe ô tô Vios, Biển kiểm soát 30A- 706.37 ngày 09/10/2015 giữa chị Đào Mai L và anh La Thế U là vô hiệu;

Tuyên bố Hợp đồng mua bán xe ô tô Vios, Biển kiểm soát 30A- 706.37 ngày 22/11/2016 giữa anh La Thế U và anh Nguyễn Ngọc C1 là vô hiệu;

Tuyên bố chấm dứt Hợp đồng ủy quyền ngày 12/11/2015 giữa chị Đào Mai L và anh La Thế U. Buộc anh La Thế U phải trả lại cho chị Đào Mai L xe ô tô Toyota nhãn hiệu Vios, Biển kiểm soát 30A- 706.37, số khung 9F34F4013360, số máy 1NZZ269778 và 01 Đăng ký xe ô tô số 112735 do Phòng cảnh sát Giao thông - Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 06/7/2015, mang tên Đào Mai L.

- Bác yêu cầu khởi kiện của chị Đào Mai L về việc yêu cầu anh La Thế U phải bồi thường thiệt hại cho chị L số tiền 120.000.000đ do anh U chiếm hữu, khai thác, sử dụng tài sản là chiếc xe Toyota Vios, Biển kiểm soát 30A-706.37.

- Bác yêu cầu độc lập của anh Nguyễn Ngọc C1 về việc yêu cầu chị Đào Mai L phải bồi thường thiệt hại do xe không được bảo dưỡng dẫn đến hư hỏng và thiệt hại do mất thu nhập từ việc kinh doanh cho thuê xe tự lái.

- Đình chỉ yêu cầu của anh La Thế U yêu cầu chị L phải trả lại 01 chiếc xe đầu kéo có Biển kiểm soát 98C-091.46 và 01 sơ mi rơ moóc có Biển kiểm soát 98R-007.70. Anh U có quyền khởi kiện chị Đào Mai L bằng vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về án phí DSST:

Chị Đào Mai L phải nộp 6.000.000đ (sáu triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại của chị L không được Tòa án chấp nhận. Nhưng chị L được trừ vào tổng số tiền 3.600.000đ (ba triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp tại các Biên lai tiền số AA/2014/0004032 ngày 04/11/2016; Biên lai thu tiền số AA/2014/0004074 ngày 23/12/2016; Biên lai thu tiền số AA/2012/02388 ngày 04/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Chị L còn phải nộp tiếp số tiền còn thiếu là 2.400.000đ (hai triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền án phí DSST.

Anh La Thế U phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu tuyên bố chấm dứt Hợp đồng ủy quyền của chị Đào Mai L được Tòa án chấp nhận; 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) đối với yêu cầu tuyên bố Hợp đồng mua bán xe ô tô vô hiệu của chị L được Tòa án chấp nhận. Tổng số tiền án phí anh U phải chịu là 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng).

Hoàn trả anh La Thế U 20.300.000đ (hai mươi triệu ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh U đã nộp tại Biên lai số AA/2014/0004114 ngày 29/01/2018 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Nếu khấu trừ số tiền 600.000đ mà anh U phải nộp án phí DSST vào số tiền 20.300.000đ mà anh U được trả lại thì anh U chỉ còn được nhận lại số tiền thừa là: 19.700.000đ

Anh Nguyễn Ngọc C1 phải chịu 7.500.000đ (bẩy triệu năm trăm nghìn đồng đối với yêu cầu độc lập không được Tòa án chấp nhận. Nhưng anh C1 được trừ vào số tiền tiền tạm ứng án phí 3.750.000đ (ba triệu bẩy trăm năm mươi nghìn đồng) mà anh C1 đã nộp tại Biên lai thu tiền số AA/2014/0004138 ngày 12/3/2018 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Anh C1 còn phải nộp tiếp số tiền án phí DSST còn thiếu là 3.750.000đ (ba triệu bẩy trăm năm mươi nghìn đồng).

-Về chi phí giám định: Anh La Thế U phải chịu 3.000.000đ (ba triệu đồng) tiền chi phí giám định nhưng được trừ vào số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng) anh U đã nộp tại Tòa án nhân dân huyện Y. Xác định anh U đã nộp đủ số tiền trên.

-Về án phí DSPT:

Anh La Thế U phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng anh U được trừ vào số tiền tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền số AA/2016/0002079 ngày 19/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Bắc Giang;

Anh Nguyễn Ngọc C1 phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng anh C1 được trừ vào số tiền tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền số AA/2016/0002097 ngày 19/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Bắc Giang

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi gửi:
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-Toà án nhân dân huyện Y;
-Chi cục THADS huyện Y;
-Các đương sự;
-Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đã ký
Phạm Thị Minh Hiền